

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/ HNGĐ - ST

Ngày 18/6/2020

“V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kiên Cường;

2. Bà Đoàn Thị Minh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Thêu – Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Ngọc S, Sinh năm 1989; trú tại: Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1991; trú tại: Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, anh Đỗ Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xây dựng gia đình với chị Vũ Thị H trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn vào ngày 31/01/2012. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu

hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng anh không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Đỗ Ngọc H, sinh ngày 19/10/2012. Hiện con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, anh có nguyện vọng giao con chung cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh S xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Đỗ Ngọc S trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn vào ngày 31/01/2012. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S có quan hệ trai gái ở bên ngoài. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng chị không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Tuy nhiên theo chị cuộc sống vợ chồng vẫn có thể duy trì, chưa đến mức phải ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Đỗ Ngọc H, sinh ngày 19/10/2012. Hiện con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu phải ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đỗ Ngọc S, xử cho anh S được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Đỗ Ngọc H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận ý kiến của của anh Đỗ Ngọc S về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng.

Về tài sản chung: Anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Anh S và chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Anh Đỗ Ngọc S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án “ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, bị đơn chị Vũ Thị H có địa chỉ cư trú tại Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn chị Vũ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Ngọc S và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn vào ngày 31/01/2012 nên xác định hôn nhân của anh S và chị H là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh S đã chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa.

Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về phía chị H: Trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị H cũng có lời khai xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S hay chơi bời, trai gái. Chị và anh S đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm, chăm sóc, không hỏi thăm, liên lạc gì với nhau. Tuy nhiên chị vẫn mong muốn duy trì cuộc sống vợ chồng, không nhất trí ly hôn.

Tòa án đã gặp bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Ngọc Ch (là bố, mẹ đẻ của anh S) để tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh Đỗ Ngọc S và chị Vũ Thị H. Sau khi trao đổi, bà Th và ông Ch cung cấp thông tin như sau: Anh Đỗ Ngọc S kết hôn với chị Vũ Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng khoảng 02 năm trở lại đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh S có quan hệ nam nữ ngoài hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên ghen tuông, cãi cọ lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh S đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng và vợ chồng S, H đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Ông bà cũng đã nhiều lần đứng ra hòa giải, khuyên nhủ các con về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con nhưng không thành. Nay anh S làm đơn xin ly hôn với chị H thì đây là chuyện tình cảm giữa hai vợ chồng, ông bà cũng không can thiệp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cũng đã gặp Tổ trưởng tổ 9A, phường Đ, thành phố B để xác minh về quan hệ hôn nhân của anh Đỗ Ngọc S và chị Vũ Thị H. Qua trao đổi chúng tôi được cung cấp thông tin như sau: Từ sau khi kết hôn, anh S, chị H sinh sống và

làm ăn tại tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng khoảng 01 năm trở lại đây vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt. Sau khi nảy sinh mâu thuẫn thì anh S và chị H đã sống ly thân, anh S ra ngoài thuê nhà ở riêng còn chị H thì thường xuyên đi làm công nhân ở Sam Sung Thái Nguyên, cuối tuần mới về nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H là thực tế và ngày càng trầm trọng. Anh S và chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa, đời sống chung đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Do vậy việc anh S xin ly hôn với chị H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3]Về con chung: Anh Đỗ Ngọc S và chị Vũ Thị H có 01 con chung tên là Đỗ Ngọc H, sinh ngày 19/10/2012, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Ngọc H cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh S cũng nhất trí giao con chung Đỗ Ngọc H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quá trình lấy lời khai của cháu Đỗ Ngọc H thì cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh công việc, mức thu nhập của chị theo như yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án, chị H khai: Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Sam Sung ở Thái Nguyên, thu nhập mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng); cháu Đỗ Ngọc H hiện nay đang ở với chị và ông bà nội của cháu tại tổ 9A, phường Đ, thành phố B; trong thời gian đi làm công nhân thì chị gửi con cho bố mẹ chồng của chị trông nom, chăm sóc còn chị thì thường về nhà chăm sóc con vào các ngày nghỉ cuối tuần.

Qua xác minh chỗ ông Đỗ Ngọc Ch và bà Nguyễn Thị Th (là bố mẹ chồng của chị H) thì ông bà đều cung cấp thông tin hiện nay chị H và cháu Đỗ Ngọc H đang sống cùng ông bà tại tổ 9A, phường Đ, thành phố B. Chị H hiện đang làm công nhân tại Công ty Sam Sung ở Thái Nguyên nên cháu H là do ông bà trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, mỗi tháng chị H có đóng góp cho ông bà tiền nuôi con là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng và cuối tuần lại về nhà thăm nom, chăm sóc con. Trường hợp anh S và chị H ly hôn thì ông bà vẫn đồng ý để mẹ con chị H ở cùng với gia đình ông bà, nếu khi nào chị H không muốn ở cùng với gia đình ông bà nữa thì ông bà cũng đồng ý để chị H đi ra ngoài ở.

Xét thấy chị H có công việc làm và thu nhập ổn định, có điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung, mặt khác bố mẹ chồng của chị H tạo điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở cho hai mẹ con và giúp chị chăm sóc con trong thời gian chị đi làm xa. Việc giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo về điều kiện sống, sinh hoạt, học tập cho con, phù hợp với nguyện vọng của các bên đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Xét thấy ý kiến của anh S là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh S và chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Đỗ Ngọc S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Đỗ Ngọc S. Anh Đỗ Ngọc S được ly hôn với chị Vũ Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ngọc H, sinh ngày 19/10/2012, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Ngọc S về việc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Ngọc H hàng tháng với số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ ngày

bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Anh S và chị H xác nhận vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Đỗ Ngọc S phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai số 02084 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Anh Đỗ Ngọc S còn phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- UBND phường Đ, TP BK
(Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

.